

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/HSST
Ngày 16 tháng 9 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Dương và bà Phan Thị Ánh Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Hoàng Văn Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 12 tháng 8 năm 1994 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Bố đẻ: Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1973, Mẹ đẻ: Hoàng Thị H1, sinh năm 1975 hiện đều ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 01/7/2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ.

2. Họ tên: Nguyễn Văn K; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 12 tháng 3 năm 1991 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12

Bố đẻ: Nguyễn Đình K1 (đã chết), Mẹ đẻ: Lê Thị L1, sinh năm 1968 hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Vi Thị Ngọc A, sinh năm 1992, hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị cáo có 01 người con sinh năm 2022.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3. Họ tên: Nguyễn Đình T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 07 tháng 8 năm 1990 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12

Bố đẻ: Nguyễn Đình C, sinh năm 1970, Mẹ đẻ: Hoàng Thị C1, sinh năm 1970 hiện đều ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Hà Thị N, sinh năm 1991, hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

4. Họ tên: Hoàng Văn T1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 11 tháng 12 năm 1978 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12

Bố đẻ: Hoàng Văn C2, sinh năm 1953, Mẹ đẻ: Hoàng Thị T2, sinh năm 1954 hiện đều ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Nguyễn Thị Thúy H2, sinh năm 1981, hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

5. Họ tên: Nguyễn Đình T3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 19 tháng 8 năm 1971 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12

Bố đẻ: Nguyễn Đình T4 (đã chết), Mẹ đẻ: Nguyễn Thị T5, sinh năm 1941 hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Đoàn Thị N1, sinh năm 1977, hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2006.

Nhân thân: Tại Bản án số 28/1999/HSST ngày 22/6/1999 của TAND huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Đình T3 cảnh cáo, phạt bổ sung 1.000.000đ về tội Đánh bạc (Bị cáo đã thi hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích).

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

6. Họ tên: Hoàng Văn T6; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 11 tháng 12 năm 1994 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Bố đẻ: Hoàng Văn T7, sinh năm 1969, Mẹ đẻ Triệu Thị V, sinh năm 1973 hiện đều ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

7. Họ tên: Hoàng Văn H3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 10 tháng 12 năm 1991 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12

Bố đẻ: Hoàng Văn H4, sinh năm 1963, Mẹ đẻ: Lê Thị T8, sinh năm 1964 hiện đều ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ Lê Thị A1, sinh năm 1994, hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

8. Họ tên: Nguyễn Tuấn L2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 11 tháng 8 năm 1990 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12

Bố đẻ: Nguyễn Đình L3, sinh năm 1960, Mẹ đẻ: Hoàng Thị C3, sinh năm 1965 hiện đều ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Hoàng Thị H5, sinh năm 1993, hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 44/QĐ-XPHC ngày 26/7/2012 của Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ phạt Nguyễn Tuấn L2 3.500.000đ về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản. Bị cáo đã nộp phạt xong ngày 31/8/2012.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã Hùng Việt, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

9. Họ tên: Hoàng Văn T9; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 11 tháng 6 năm 1973 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12

Bố đẻ: Hoàng Bá L4 (đã chết), Mẹ đẻ: Hoàng Thị H6, sinh năm 1939 hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Đoàn Thị Thanh S, sinh năm 1976, hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

10. Họ tên: Tạ Duy L5; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 13 tháng 10 năm 1993 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12

Bố đẻ: Tạ Văn T10, sinh năm 1963, Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1961, hiện đều ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Lê Thị T11, sinh năm 1995, hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Con: bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

11. Họ tên: Hoàng Ngọc L6; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 05 tháng 1 năm 1993 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Bố đẻ: Hoàng Văn K2, sinh năm 1967, Mẹ đẻ: Lê Thị T12, sinh năm 1968 hiện đều ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Đỗ Thị Như Q, sinh năm 1996, hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

12. Họ tên: Hoàng Văn H7; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 04 tháng 1 năm 1978 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12

Bố đẻ: Hoàng Văn K3, sinh năm 1947 hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Mẹ đẻ: Hoàng Thị S1 (đã chết) .

Vợ: Hà Thị M, sinh năm 1980, hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

13. Họ tên: Hoàng Văn C4; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 28 tháng 3 năm 1993 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12

Bố đẻ: Hoàng Văn L7, sinh năm 1966, Mẹ đẻ: Hà Thị T13, sinh năm 1969 hiện đều ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ, con: chưa có.

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

14. Họ tên: Nguyễn Văn P; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 24 tháng 11 năm 1980 tại C, Phú Thọ.

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Bố đẻ: Nguyễn Anh K4 (đã chết), Mẹ đẻ: Nguyễn Thị P1, sinh năm 1956 hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Vợ: Hạ Thị N2, sinh năm 1986, hiện ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Bị cáo có 2 người con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 09/2012/HSST ngày 02/8/2012 của TAND huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xử phạt Nguyễn Văn P 18 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản;

+ Tại Bản án số 29/2013/HSST ngày 23/5/2013 của TAND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Văn P 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với Bản án số 09/2012/HSST ngày 02/8/2012 của TAND huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, Nguyễn Văn P phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án là 30 tháng tù (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích);

+ Tại Bản án số 74/2015/HSST ngày 30/12/2015 của TAND huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Văn P 20 tháng tù về tội Trộm tài sản (Bị cáo chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích).

Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ tạm giam. Áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” ngày 25/4/2024. Hiện đang tại ngoại tại xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Trương Văn Đ2, sinh năm 1975. Địa chỉ: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. *(Vắng mặt)*

+ Bà Trương Thị T14, sinh năm 1961. Địa chỉ: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C nhận được tin báo của Công an xã H về việc nhận được tố giác của một công dân (từ chối cung cấp thông tin cá nhân), đồng thời ngày 03/02/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C cũng nhận được đơn tố giác tội phạm của công dân không ghi tên, tuổi, địa chỉ, không có chữ ký trực tiếp hoặc điểm chỉ của người tố giác, ghi ngày 02/02/2024 với cùng nội dung tố giác như sau: Ngày 04/01/2024, tại gian nhà bếp cũ của nhà bà Trương Thị T14, sinh năm 1961 ở khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ, có một số đối tượng là công dân khu P, xã H đang đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. Do bức xúc không đồng tình nên người tố giác làm đơn trình báo đề nghị xử lý theo quy định pháp luật. Kèm theo đơn, người trình báo còn gửi cho Cơ quan điều tra 01 USB có vỏ nhựa màu đen, bên trên có chữ Kingston, 32GB và 01 tem bằng giấy hình tròn, bên trong USB có lưu trữ 03 đoạn video do người tố giác dùng điện thoại cá nhân quay ghi lại hình ảnh các đối tượng đánh bạc.

Sau khi tiếp nhận tin báo, tố giác, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh theo quy định. Quá trình xác minh, xác định:

Khoảng hơn 19 giờ ngày 04/01/2024, sau khi ăn cưới tại gia đình nhà bà Trương Thị T14, sinh năm 1961 ở khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ, các đối tượng Nguyễn Đình T3, sinh năm 1971; Hoàng Văn Đ, sinh năm 1994; Hoàng Văn T1, sinh năm 1978; Hoàng Văn H3, sinh năm 1991 và Hoàng Ngọc L6, sinh năm 1993 đều ở khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ cùng nhau đi vào gian bếp cũ của gia đình bà T14. Tại đây các đối tượng đã rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền thống nhất đặt cửa thấp nhất là 50.000đ/1 ván, ai đặt cao hơn thì tùy, tất cả đều đồng ý (không xác định được ai là người rủ đánh bạc đầu tiên, gia đình bà T14 đang tổ chức đám cưới, không biết việc các đối tượng tự ý đi vào gian bếp cũ để đánh bạc). Các đối tượng đứng, ngồi xung quanh 01 tấm gỗ, một mặt màu vàng, một mặt màu nâu đỏ có kích thước 135,5cm x 66,5cm (đây là cánh cửa cũ của gia đình bà T14) đang được đặt trên nền bếp để đặt cửa đánh bạc. Nguyễn Đình T3 là người cầm cái, T3 dùng 01 bát sứ, 01 đĩa nhựa, 04 quân vị hình tròn được cắt từ lá bài tứ lơ khơ một mặt màu trắng đỏ, một mặt màu xanh có sần ở bên trên tấm gỗ để xóc đĩa.

Hình thức đánh bạc xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền mà các đối tượng trên sử dụng là: Cho 04 quân vị hình tròn được cắt từ lá bài tứ lơ khơ vào trong một bát sứ và úp đĩa sứ lên và xóc. Nếu khi mở bát ra có 02 hoặc 04 quân vị cùng sấp hoặc cùng ngửa thì là cửa chắn, nếu có 01 hoặc 03 quân vị ngửa hoặc sấp thì về cửa lẻ. Người đánh bạc đặt cửa nào khi mở bát ra cửa đấy thì thắng bạc và được người cầm cái trả tiền bằng số tiền đã đặt cửa còn ngược lại thì thua bạc và người cầm cái thu số tiền người đó đã đặt cửa.

Quá trình đánh bạc, các đối tượng không phải nộp tiền hồ (tiền thuê địa điểm đánh bạc) cho ai, cũng không ai yêu cầu nộp.

Khi các đối tượng trên đang đánh bạc thì có Hoàng Văn T9, sinh năm 1973; Hoàng Văn C4, sinh năm 1993; Nguyễn Tuấn L2, sinh năm 1990; Hoàng Văn T6, sinh năm 1994; Nguyễn Văn K, sinh năm 1991; Nguyễn Đình T, sinh năm 1990, Hoàng Văn H7, sinh năm 1978 đều ở khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ đến tham gia đánh bạc cùng.

Trước khi tham gia đánh bạc Hoàng Văn Đ mang theo 300.000đ, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc. Trong khi đánh bạc Đ thắng bạc, Đ cho K vay 2.000.000đ, cho T vay 1.000.000đ. K sử dụng 2.400.000đ vào mục đích đánh bạc trong đó K mang theo 400.000đ, còn 2.000.000đ là tiền K vay của Đ để đánh bạc. T sử dụng 1.300.000đ vào mục đích đánh bạc trong đó có 300.000đ là tiền T mang theo còn 1.000.000đ là tiền T vay của Đ để đánh bạc. L6 mang theo 200.000đ, sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc. Trong khi đánh bạc thì L6 thắng bạc, C4 xin L6 200.000đ, L6 đồng ý và đưa cho C4 200.000đ. C4 trước đó không mang theo tiền, C4 sử dụng toàn bộ số tiền 200.000đ mà L6 cho để đánh bạc. Nguyễn Tuấn L2 mang theo 500.000đ, Hoàng Văn T6 mang theo 500.000đ, T9 mang theo 300.000đ, T1 mang theo 1.100.000đ, H7 mang theo 200.000đ, Nguyễn Đình T3 mang theo 500.000đ, Hoàng Văn H3 mang theo

500.000đ, các đối tượng này sử dụng toàn bộ số tiền mang theo để đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền tất cả các đối tượng trên sử dụng vào mục đích đánh bạc là 8.000.000đ.

Các đối tượng đánh bạc liên tục đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T9, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H3, Hoàng Ngọc L6 đi về không đánh bạc nữa. Khi về T3 mang theo 1.000.000đ, T9 mang theo 100.000đ, T1 mang theo 700.000đ, H3 mang theo 700.000đ, L6 mang theo 300.000đ, tổng số tiền các đối tượng mang về là 2.800.000đ.

Khi Nguyễn Đình T3 về thì Hoàng Văn T6 là người cầm cái xóc đĩa. Lúc này có Tạ Duy L5, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn P, sinh năm 1980 đều ở khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ vào tham gia đánh bạc cùng. Trong đó, L5 sử dụng 270.000đ, P sử dụng 100.000đ vào mục đích đánh bạc. Các đối tượng Hoàng Văn T6, Nguyễn Văn K, Nguyễn Tuấn L2, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7, Hoàng Văn Đ, Tạ Duy L5 và Nguyễn Văn P đánh bạc liên tục đến khoảng gần 21 giờ cùng ngày thì không đánh bạc nữa và đi ra về, công cụ sử dụng đánh bạc vẫn để tại gian bếp cũ trên, sau đó không rõ ai là người cất dọn.

Sau khi đánh bạc thì K thua bạc số tiền 2.100.000đ và mang về số tiền 300.000đ; T thắng bạc số tiền 100.000đ và mang về tổng số tiền là 1.400.000đ; Nguyễn Tuấn L2 thắng bạc số tiền 300.000đ và mang về tổng số tiền là 800.000đ; Hoàng Văn T6 thắng bạc số tiền 300.000đ và mang về tổng số tiền là 800.000đ; L6 thắng bạc số tiền 300.000đ và mang về tổng số tiền là 300.000đ (do đã cho C4 200.000đ); T9 thua bạc số tiền 200.000đ và mang về số tiền 100.000đ; T1 thua bạc số tiền 400.000đ và mang về số tiền 700.000đ; Chiến thắng bạc số tiền 400.000đ và mang về tổng số tiền là 600.000đ; H7 thắng bạc số tiền 200.000đ và mang về tổng số tiền là 400.000đ; Nguyễn Đình T3 thắng bạc số tiền 500.000đ và mang về tổng số tiền là 1.000.000đ; H3 thắng bạc số tiền 200.000đ và mang về tổng số tiền là 700.000đ; Tạ Duy L5 thắng bạc số tiền 300.000đ và mang về tổng số tiền là 570.000đ; P thua bạc số tiền 100.000đ nên không có tiền mang về; Đ thắng bạc số tiền 3.400.000đ và mang về tổng số tiền là 700.000đ (do trước đó Đ đã cho K vay 2.000.000đ và cho T vay 1.000.000đ, tuy nhiên hiện cả K và T đều đã trả lại cho Đ toàn bộ số tiền vay này).

Như vậy, tổng số tiền đánh bạc mà Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T9, Hoàng Văn T1; Hoàng Văn H3; Hoàng Ngọc L6 phải chịu trách nhiệm hình sự là 8.000.000đ. Tổng số tiền đánh bạc mà Tạ Duy L5 và Nguyễn Văn P phải chịu trách nhiệm hình sự là 5.570.000đ. Tổng số tiền đánh bạc mà Nguyễn Văn K, Nguyễn Tuấn L2, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 và Hoàng Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự là 8.370.000đ.

Ngày 03/02/2024 Nguyễn Đình T, Hoàng Ngọc L6, Nguyễn Văn P và Hoàng Văn H7 đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đầu thú. Sau đó Hoàng Văn H3, Nguyễn Văn K, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Hoàng Văn T6, Hoàng

Văn T1, Hoàng Văn C4, Tạ Duy L5 và Nguyễn Đình T3 cũng đã đến cơ quan điều tra làm việc. Quá trình xác minh, điều tra, Cơ quan điều tra đã nhiều lần tiến hành triệu tập Hoàng Văn Đ đến làm việc nhưng sau khi biết được thông tin Cơ quan điều tra đang xác minh điều tra về vụ việc đánh bạc, do sợ hãi nên Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương. Đ ở thành phố Hà Nội nhưng không ở cố định một vị trí nào do sợ bị phát hiện. Đến ngày 01/07/2024, Cơ quan điều tra mới triệu tập được Đ tới làm việc. Tại cơ quan điều tra, tất cả các đối tượng đều đã thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc của bản thân như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, các đối tượng còn trình bày khi các đối tượng đánh bạc thì có Trương Văn Đ2, sinh năm 1975 ở khu P, xã H, huyện C cũng có mặt tại nơi các đối tượng đang đánh bạc. K, T, P và Hoàng Văn T6 khẳng định trực tiếp nhìn thấy Đ2 có tham gia đánh bạc 01 ván. P còn trình bày tiền mà P sử dụng đánh bạc là tiền được Đ2 cho sau khi Đại chơi thắng bạc. Tuy nhiên, Trương Văn Đ2 khẳng định bản thân có đến nơi các đối tượng trên đánh bạc xem nhưng không tham gia chơi cùng, cũng không cho P tiền như P trình bày ở trên.

Ngày 23/02/2024, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét tại khu vực gian bếp cũ của gia đình bà Trương Thị T14. Kết quả khám xét phát hiện tại góc bếp bên phải hướng từ ngoài vào có 01 tấm gỗ, một mặt màu vàng, một mặt màu nâu đỏ có kích thước 135,5cm x 66,5cm. Quá trình khám xét đã tiến hành chụp ảnh, đo kích thước tấm gỗ rồi bàn giao cho gia đình bà T14 quản lý. Ngoài ra, không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì khác có liên quan.

Ngày 29/02/2024 Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định kỹ thuật số và điện tử đối với 03 đoạn video được lưu trữ trong 01 chiếc USB do người tố giác gửi kèm theo đơn tố giác ở trên kèm theo các mẫu so sánh là ảnh chụp các đối tượng, ảnh chụp Trương Văn Đ2, đoạn video ghi âm giọng nói của Trương Văn Đ2 và bản ảnh khám xét.

Tại Kết luận giám định số 1526/KL-KTHS ngày 15/04/2024 của V4 Bộ C9 kết luận:

“1. Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trong nội dung trong các tệp video mẫu cần giám định. Thời gian khởi tạo của các tệp video: 04/1/2024, thời gian này có thể thay đổi được.

2. Không xác định các hành động của các đối tượng. Không đủ cơ sở xác định các hành động thực hiện trong các tệp video mẫu cần giám định có phải đang đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền hay không. Hình ảnh các tờ có đặc điểm, màu sắc giống tờ tiền và trên bề mặt đề các chữ: Năm mươi nghìn đồng, Một trăm nghìn đồng, H8 trăm nghìn đồng, Năm trăm nghìn đồng. Tuy nhiên, không xác định được số lượng các tờ có đặc điểm, màu sắc giống tờ tiền trong các tệp video

mẫu cần giám định. Đã trích xuất một số hình ảnh, chi tiết thể hiện trong 01 Phụ lục kèm theo.

3. Hình ảnh các đối tượng trong mẫu so sánh có xuất hiện trong các tệp video mẫu cần giám định. Không đủ cơ sở để xác định có hành động thả tiền đặt cửa để đánh bạc hay không. Không xác định đối tượng nào thả tiền đặt cửa để đánh bạc.

4. Không đủ cơ sở để xác định hình ảnh địa điểm xuất hiện trong các tệp video mẫu cần giám định có phải là hình ảnh địa điểm trong bản ảnh khám xét (mẫu M2) hay không.

5. Nội dung hội thoại trong tệp âm thanh mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản. Chi tiết thể hiện trong 01 Phụ lục kèm theo. Không đủ điều kiện đưa ra kết luận có tiếng nói của Trương Văn Đ2 trong mẫu cần giám định do mẫu cần giám định có chất lượng kém.

6. Trong các tệp video mẫu cần giám định có các vật: 01 cái bát màu trắng, 01 cái đĩa màu trắng, tấm gỗ và 02 vật hình dạng tròn dẹt: 01 màu đỏ; 01 màu đen. Chi tiết thể hiện trong 01 Phụ lục kèm theo. Không đủ cơ sở để xác định hình ảnh tấm gỗ do Cơ quan CSĐT thu giữ trong bản ảnh khám xét có xuất hiện trong các tệp video mẫu cần giám định hay không.”

Ngày 23/04/2024 Cơ quan điều tra đã có Công văn đề nghị giải thích một số nội dung trong kết luận giám định trên. Tại Công văn số 1471/C09-P6 ngày 21/05/2024 của V4 Bộ C9 giải thích như sau:

“1. Thời gian khởi tạo của các tệp video mẫu cần giám định có thể bị thay đổi: do sao chép tệp (các tệp được tạo ra từ sao chép sẽ bị thay đổi theo giờ của hệ thống), do tác động của con người. Không xác định được thời gian khởi tạo của các tệp video đã bị thay đổi chưa, do vậy không xác định được thời gian khởi tạo đầu tiên là khi nào.

2. Do một số tệp video được quay từ sau lưng nên một số hành động của các đối tượng bị che khuất do đó không miêu tả hành động cụ thể của các đối tượng. Việc xác định các hành động đó có đang đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền không thuộc chức năng của Phòng Giám định kỹ thuật số và điện tử - V4.

3. Việc xác định có hành động đặt tiền thả cửa trong đánh bạc không thuộc chức năng của Phòng Giám định kỹ thuật số và điện tử - V4 nên không xác định được đối tượng nào thả tiền để đặt cửa đánh bạc.

4. Do mẫu so sánh và mẫu giám định không tương đồng về góc ghi hình, không đủ đặc điểm do đó không đủ cơ sở để xác định hình ảnh địa điểm xuất hiện trong video mẫu cần giám định có phải là hình ảnh địa điểm trong bản ảnh khám xét hay không.

5. Mẫu giám định có chất lượng kém do trong các tệp video có nhiều tạp âm, thời lượng tiếng nói ngắn.

6. Do mẫu so sánh và mẫu giám định không tương đồng về góc ghi hình, không tương đồng về màu sắc, hình dáng, kích thước nên không đủ cơ sở xác định hình ảnh tẩm gổ do Cơ quan CSĐT thu giữ trong bản ảnh khám xét có xuất hiện trong các tệp video mẫu cần giám định.”

Ngày 24/06/2024 Cơ quan điều tra đã ra Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố số 41. Cùng ngày, cơ quan điều tra đã chuyển Bản kết luận điều tra cùng toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát.

Ngày 01/07/2024, Viện kiểm sát nhận được đơn trình báo của 01 công dân đầu tên có địa chỉ ở xã H, huyện C với nội dung trình bày sự việc có một số đối tượng đánh bạc ăn tiền dưới hình thức xóc đĩa tại gian bếp cũ nhà bà Trương Thị T14 xảy ra vào khoảng hơn 19 giờ ngày 04/01/2024, đề nghị xử lý các đối tượng theo quy định. Kèm theo đơn có gửi 01 USB nhãn hiệu Toshiba dung lượng 4GB bên trong có 01 đoạn video thời lượng 30 giây và trình bày đây là đoạn video do người này tự quay bằng điện thoại cá nhân ghi lại hình ảnh các đối tượng đánh bạc, không nhớ đã cung cấp đoạn video trên đến cơ quan công an hay chưa.

Căn cứ quy định pháp luật, ngày 01/07/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung để cơ quan điều tra tiến hành điều tra, xác minh làm rõ nội dung đơn và đoạn video trên.

Ngày 11/07/2024 cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định kỹ thuật số và điện tử đối với đoạn video chứa trong chiếc USB mà Viện kiểm sát nhận được trên kèm theo mẫu so sánh là các đoạn video chứa trong USB do công dân đã gửi cho cơ quan điều tra trước đó.

Tại Kết luận giám định số 5316/KL-KTHS ngày 26/07/2024 của V4 Bộ C9 kết luận:

“- Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp video mẫu cần giám định.

- Nội dung âm thanh, hình ảnh trong tệp video mẫu cần giám định trùng với nội dung âm thanh, hình ảnh từ thời điểm từ 00 phút 27 giây đến 00 phút 57 giây (theo thời lượng tệp video) trong tệp video “5587288377976.mp4” mẫu so sánh.”

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, phương thức, thủ đoạn phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 56/CT- VKSCK ngày 29 tháng 8 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn

Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 và Nguyễn Văn P về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thú nhận hành vi phạm tội nay không còn lời bào chữa nào khác.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị:

* Về tội danh:

Áp dụng Điều 321 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 và Nguyễn Văn P phạm tội "Đánh bạc".

* Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự tuyên bị cáo Hoàng Văn T6 phạm tội đánh bạc.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự tuyên các bị cáo Nguyễn Đình T, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn H7, Nguyễn Văn K, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T9 phạm tội đánh bạc.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự tuyên các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C4, Tạ Duy L5, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2 phạm tội đánh bạc.

- Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự tuyên bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội đánh bạc.

- Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự tuyên bị cáo Nguyễn Đình T3 phạm tội đánh bạc.

* Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Đình T3 từ 18 đến 20 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7, Hoàng Ngọc L6, Tạ Duy L5, Hoàng Văn T9 từ 08 đến 10 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T từ 12 đến 14 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H3 từ 10 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 14 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 14 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ (trừ cho bị cáo 78 ngày tạm giam từ ngày 01/7/2024 đến ngày 16/09/2024, quy đổi thành 234 ngày cải tạo không giam giữ). Căn cứ khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đ đang bị tạm giam.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ theo dõi, giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khẩu trừ thu thập cho các bị cáo nhưng buộc các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định Luật thi hành án hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ /01 ngày và không quá 05 ngày/01 tuần.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T6 27.000.000đ đến 29.000.000đ.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 và Nguyễn Văn P.

* Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 áo khoác màu đen có khóa và cúc bằng kim loại, phía trước bên trái có chữ MOUNTAIN màu trắng và 01 quần bò màu xanh có khóa và cúc bằng kim loại, quần có chữ KINGMAN và số 29 thu giữ của Hoàng Ngọc L6;

+ 01 chiếc quần vải ống dài tối màu, đã cũ và 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu vàng đã cũ và 01 chiếc áo khoác màu trắng, đen, phần lưng áo có in hình nhiều màu, đã cũ thu giữ của Nguyễn Đình T3;

+ 01 áo khoác màu ghi, séc áo bằng nhựa, cổ áo có 02 cúc bấm bằng kim loại, cổ tay áo và vạt áo bằng Chun màu đen và 01 quần dài gió màu đen có 02 túi chéo có séc bằng kim loại, quần Chun thu giữ của Hoàng Văn C4;

+ 01 chiếc áo thun dài tay màu đen phía trước áo có chữ VER và chữ ACE màu vàng và 01 quần bò dài ống màu xanh thu giữ của Hoàng Văn T1;

+ 01 quần bò dài ống màu xám đen và 01 áo khoác dài tay màu đen, tay áo có dán mác 11SABERI BBS thu giữ của Nguyễn Tuấn L2;

+ 01 áo khoác mùa đông màu đen và 01 quần vải mùa đông màu đen thu giữ của Hoàng Văn H7;

+ 01 quần bò nam màu đen đã cũ và 01 áo dài tay màu đen đã cũ thu giữ Tạ Duy L5;

+ 01 áo khoác dài tay màu đen và 01 quần dài màu đen Thu giữ của Hoàng Văn T9;

- Đối với số tiền các bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 5.870.000đ. Cụ thể:

- + Bị cáo Hoàng Văn H3 số tiền 500.000đ;
- + Bị cáo Nguyễn Đình T số tiền 1.300.000đ;
- + Bị cáo Hoàng Văn T6 số tiền 500.000đ;
- + Bị cáo Hoàng Ngọc L6 số tiền 200.000đ;
- + Bị cáo Hoàng Văn C4 số tiền 200.000đ
- + Bị cáo Nguyễn Tuấn L2 số tiền 500.000đ
- + Bị cáo Hoàng Văn T9 số tiền 300.000đ
- + Bị cáo Hoàng Văn T1 số tiền 1.100.000đ
- + Bị cáo Hoàng Văn H7 số tiền 400.000đ
- + Bị cáo Nguyễn Đình T3 số tiền 500.000đ
- + Bị cáo Tạ Duy L5 số tiền 270.000đ
- + Bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 100.000đ.

- Tịch thu, truy thu của bị cáo Hoàng Văn Đ số tiền 2.300.000đ để nộp ngân sách nhà nước (trong đó có 300.000đ là tiền sử dụng đánh bạc của Đ và 2.000.000đ là tiền sử dụng đánh bạc của K mà K đã đưa lại cho Đ).

- Tịch thu, truy thu của bị cáo Nguyễn Văn K số tiền 400.000 đồng.

* Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn P.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu được và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ hơn 19 giờ đến khoảng 20 giờ ngày 04/01/2024, tại gian bếp cũ của gia đình bà Trương Thị T14 ở khu P, xã H, huyện C, các đối tượng Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H3, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn T9, Nguyễn Văn K, Nguyễn Tuấn L2, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn C4 và Hoàng Văn H7 đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày thì Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T9, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H3, Hoàng Ngọc L6 ra về không tham gia đánh bạc nữa. Tổng số tiền đánh bạc mà Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T9, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H3, Hoàng Ngọc L6 phải chịu trách nhiệm hình sự là 8.000.000đ.

Lúc này Tạ Duy L5 và Nguyễn Văn P vào tham gia đánh bạc cùng. Các đối tượng Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Tuấn L2, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7, Tạ Duy L5 và Nguyễn Văn P đánh bạc liên tục đến khoảng gần 21 giờ cùng ngày thì không đánh bạc nữa và đi ra về. Tổng số tiền đánh bạc mà Tạ Duy L5 và Nguyễn Văn P phải chịu trách nhiệm hình sự là 5.570.000đ. Tổng số tiền đánh bạc mà Nguyễn Văn K, Nguyễn Tuấn L2, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 và Hoàng Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự là 8.370.000đ.

Về vai trò của các đồng phạm trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T9, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn H3, Hoàng Ngọc L6, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn P, Nguyễn Tuấn L2, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn C4, Tạ Duy L5, Hoàng Văn H7 và Hoàng Văn Đ là những người chơi đánh bạc nên là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, Hoàng Văn Đ còn cho K và T vay tiền để đánh bạc, L6 cho C4 tiền để đánh bạc.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 và Nguyễn Văn P đã phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

"Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

... ”

[3] Xét tính chất vụ án là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bởi lẽ vấn nạn cờ bạc là một trong các tệ nạn xã hội mà nhà nước ta đang quản lý chặt chẽ, nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân tổ chức đánh bạc, đánh bạc dưới mọi hình thức để làm lành mạnh các quan hệ xã hội, từ việc đánh bạc thường dẫn đến những tội phạm khác, ảnh hưởng đến trật tự công cộng vì vậy đấu tranh với tội này là rất cần thiết, cần đưa ra xét xử nghiêm trước pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[4.1] Về nhân thân:

[4.1.1] Các bị cáo: Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C4, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T9, Hoàng Ngọc L6, Tạ Duy L5, Hoàng Văn H7, Hoàng Văn T6, Nguyễn Văn K, Hoàng Văn H3 đều có nhân thân tốt.

[4.1.2] Bị cáo Nguyễn Văn P có nhân thân:

+ Tại Bản án số 09/2012/HSST ngày 02/8/2012 của TAND huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xử phạt Nguyễn Văn P 18 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản;

+ Tại Bản án số 29/2013/HSST ngày 23/5/2013 của TAND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Văn P 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp với Bản án số 09/2012/HSST ngày 02/8/2012 của TAND huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình, Nguyễn Văn P phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 bản án là 30 tháng tù (Bị can đã chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích);

+ Tại Bản án số 74/2015/HSST ngày 30/12/2015 của TAND huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Văn P 20 tháng tù về tội Trộm tài sản (Bị can chấp hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích).

[4.1.3] Bị cáo Nguyễn Đình T3 có nhân thân:

+ Tại Bản án số 28/1999/HSST ngày 22/6/1999 của TAND huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Đình T3 cảnh cáo, phạt bổ sung 1.000.000đ về tội Đánh bạc (Bị can đã thi hành xong toàn bộ bản án và đã được xóa án tích).

[4.1.4] Bị cáo Nguyễn Tuấn L2 có nhân thân:

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 44/QĐ-XPHC ngày 26/7/2012 của Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ phạt Nguyễn Tuấn L2 3.500.000đ về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản. Bị can đã nộp phạt xong ngày 31/8/2012.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 và Nguyễn Văn P đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn C4, Tạ Duy L5, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn H7, Nguyễn Văn K, Hoàng Văn T9 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo T, L6, H7 sau khi phạm tội đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện C để đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Bị cáo Nguyễn Văn K hoàn thành tốt nghĩa vụ quân sự tại Đoàn nghi lễ quân đội được tặng thưởng Giấy khen năm 2011 và có ông nội là ông Nguyễn Văn T15 được tặng thưởng Bằng khen kháng chiến; bị cáo Hoàng Văn T1 ông nội là ông Hoàng Văn C5 được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba; bị cáo Hoàng Văn T9 có bố đẻ là ông Hoàng Bá L4 được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Do vậy, các bị cáo T, L6, H7, K, T1, T9 đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn P thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện C để đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện chiến sỹ mới được tặng thưởng Giấy khen năm 1999, bị cáo đã có thành tích tốt trong phong trào thi đua năm 2020 được tặng thưởng Giấy khen. Bị cáo có ông nội là ông Nguyễn Đình L3 được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đình T3 quá trình điều tra đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy:

Đối với các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 và Nguyễn Văn P. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đều có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Vì vậy có thể áp dụng một mức hình phạt không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương, về tội các bị cáo đã thực hiện, nh- thể cũng có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, thể hiện đồng lối xét xử hình sự và chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Đối với bị cáo Hoàng Văn T6 phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, bị cáo làm nhân viên kinh doanh – Cộng tác viên bán hàng cho Công ty TNHH D4, có thu nhập 9.000.000đ/tháng. Do vậy cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nghiêm khắc, tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”.

Qua xác minh của cơ quan điều tra thì các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 và Nguyễn Văn P đều không có tài sản riêng gì và đều là lao động tự do thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo là phù hợp.

Đối với bị cáo Hoàng Văn T6: Do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 USB có vỏ nhựa màu đen, bên trên có chữ Kingston, 32GB và 01 tem bằng giấy hình tròn, bên trong USB có lưu trữ 03 đoạn video và 01 USB nhãn hiệu Toshiba dung lượng 4GB bên trong có lưu trữ 01 đoạn video do người tố giác giao nộp, cần lưu theo hồ sơ vụ án là phù hợp.

- Đối với:

+ 01 áo khoác màu đen có khóa và cúc bằng kim loại, phía trước bên trái có chữ MOUNTAIN màu trắng và 01 quần bò màu xanh có khóa và cúc bằng kim loại, quần có chữ KINGMAN và số 29 thu giữ của Hoàng Ngọc L6;

+ 01 chiếc quần vải ống dài tối màu, đã cũ và 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu vàng đã cũ và 01 chiếc áo khoác màu trắng, đen, phần lưng áo có in hình nhiều màu, đã cũ thu giữ của Nguyễn Đình T3;

+ 01 áo khoác màu ghi, séc áo bằng nhựa, cổ áo có 02 cúc bấm bằng kim loại, cổ tay áo và vạt áo bằng chun màu đen và 01 quần dài gió màu đen có 02 túi chéo có séc bằng kim loại, quần chun thu giữ của Hoàng Văn C4;

+ 01 chiếc áo thun dài tay màu đen phía trước áo có chữ VER và chữ ACE màu vàng và 01 quần bò dài màu xanh thu giữ của Hoàng Văn T1;

+ 01 quần bò dài ống màu xám đen và 01 áo khoác dài tay màu đen, tay áo có dán mác 11SABERI BBS thu giữ của Nguyễn Tuấn L2;

+ 01 áo khoác mùa đông màu đen và 01 quần vải mùa đông màu đen thu giữ của Hoàng Văn H7;

+ 01 quần bò nam màu đen đã cũ và 01 áo dài tay màu đen đã cũ thu giữ Tạ Duy L5;

+ 01 áo khoác dài tay màu đen và 01 quần dài màu đen Thu giữ của Hoàng Văn T9;

Tại phiên tòa các bị cáo trên đều có quan điểm không nhận lại và đề nghị tiêu hủy do vậy cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với số tiền các bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 5.870.000đ,. Cụ thể:

- + Bị cáo Hoàng Văn H3 nộp số tiền 500.000đ;
- + Bị cáo Nguyễn Đình T nộp số tiền 1.300.000đ;
- + Bị cáo Hoàng Văn T6 nộp số tiền 500.000đ;
- + Bị cáo Hoàng Ngọc L6 nộp số tiền 200.000đ;
- + Bị cáo Hoàng Văn C4 nộp số tiền 200.000đ
- + Bị cáo Nguyễn Tuấn L2 nộp số tiền 500.000đ
- + Bị cáo Hoàng Văn T9 nộp số tiền 300.000đ
- + Bị cáo Hoàng Văn T1 nộp số tiền 1.100.000đ
- + Bị cáo Hoàng Văn H7 nộp số tiền 400.000đ
- + Bị cáo Nguyễn Đình T3 nộp số tiền 500.000đ
- + Bị cáo Tạ Duy L5 nộp số tiền 270.000đ

+ Bị cáo Nguyễn Văn P nộp số tiền 100.000đ.

Tại phiên tòa các bị cáo đều có quan điểm đối với số tiền trên là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, có bị cáo thua bạc, có bị cáo thắng bạc. Các bị cáo đều có quan điểm không đề nghị xem xét giải quyết tiền thắng bạc, thua bạc mà đều tự nguyện nộp lại để tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Do vậy cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

- Đối với số tiền bị cáo Hoàng Văn Đ và Nguyễn Văn K sử dụng vào việc đánh bạc chưa nộp lại cần tịch thu truy thu gồm: Tịch thu, truy thu bị cáo Hoàng Văn Đ số tiền 2.300.000đ để nộp ngân sách nhà nước (trong đó có 300.000đ là tiền sử dụng đánh bạc của Đ và 2.000.000đ là tiền sử dụng đánh bạc của K mà K đã đưa lại cho Đ); Tịch thu, truy thu của bị cáo Nguyễn Văn K số tiền 400.000 đồng.

[8] Đối với Trương Văn Đ2, quá trình điều tra không đủ căn cứ xác định Đ2 có hành vi đánh bạc, do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Đ2 là phù hợp.

Đối với gia đình bà Trương Thị T14, do các bị cáo tự thực hiện hành vi đánh bạc, không hỏi, không nói cho gia đình bà T14 biết, gia đình bà T14 không biết các bị cáo sử dụng gian bếp nhà mình để đánh bạc nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với gia đình bà Trương Thị T14 là phù hợp.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với các bị cáo và việc xử lý vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp nên chấp nhận.

[10] Về án phí:

Bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn P thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[I]. Về tội danh:

Áp dụng Điều 321 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 và Nguyễn Văn P phạm tội “Đánh bạc”.

[III]. Về hình phạt:

1, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn Đ 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ. (Bị cáo được trừ 78 ngày tạm giam từ ngày 01/7/2024 đến ngày 16/9/2024, quy đổi bằng là 07 tháng 24 ngày cải tạo không giam giữ). Bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 06 (sáu) ngày tạo không giam giữ.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Hoàng Văn Đ, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo P. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

3, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T3 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đình T3. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

4, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K 14 (Mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo K. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

5, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

6, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T1. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

7, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn L2 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Tuấn L2. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

8, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn H3 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H3. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

9, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T9 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T9. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

10, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Tạ Duy L5 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L5. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

11, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Ngọc L6 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo L6. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

12, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn C4 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo C4. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

13, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn H7 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H7. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

14, Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn T6 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Văn T6.

* Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7, Nguyễn Văn P tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7, Nguyễn Văn P cho UBND xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ sát giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

* Buộc bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7, Nguyễn Văn P trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo là không quá 04 giờ/ 01 ngày và không quá 05 ngày/01 tuần.

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

[III]. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 áo khoác màu đen có khóa và cúc bằng kim loại, phía trước bên trái có chữ MOUNTAIN màu trắng và 01 quần bò màu xanh có khóa và cúc bằng kim loại, quần có chữ KINGMAN và số 29 thu giữ của Hoàng Ngọc L6;

+ 01 chiếc quần vải ống dài tối màu, đã cũ và 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu vàng đã cũ và 01 chiếc áo khoác màu trắng, đen, phần lưng áo có in hình nhiều màu, đã cũ thu giữ của Nguyễn Đình T3;

+ 01 áo khoác màu ghi, séc áo bằng nhựa, cổ áo có 02 cúc bấm bằng kim loại, cổ tay áo và vạt áo bằng chun màu đen và 01 quần dài gió màu đen có 02 túi chéo có séc bằng kim loại, quần chun thu giữ của Hoàng Văn C4;

+ 01 chiếc áo thun dài tay màu đen phía trước áo có chữ VER và chữ ACE màu vàng và 01 quần bò dài màu xanh thu giữ của Hoàng Văn T1;

+ 01 quần bò dài ống màu xám đen và 01 áo khoác dài tay màu đen, tay áo có dán mác 11SABERI BBS thu giữ của Nguyễn Tuấn L2;

+ 01 áo khoác mùa đông màu đen và 01 quần vải mùa đông màu đen thu giữ của Hoàng Văn H7;

+ 01 quần bò nam màu đen đã cũ và 01 áo dài tay màu đen đã cũ thu giữ Tạ Duy L5;

+ 01 áo khoác dài tay màu đen và 01 quần dài màu đen Thu giữ của Hoàng Văn T9;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền các bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 5.870.000đ. Cụ thể:

- + Bị cáo Hoàng Văn H3 số tiền 500.000đ;
- + Bị cáo Nguyễn Đình T số tiền 1.300.000đ;
- + Bị cáo Hoàng Văn T6 số tiền 500.000đ;
- + Bị cáo Hoàng Ngọc L6 số tiền 200.000đ;
- + Bị cáo Hoàng Văn C4 số tiền 200.000đ
- + Bị cáo Nguyễn Tuấn L2 số tiền 500.000đ
- + Bị cáo Hoàng Văn T9 số tiền 300.000đ
- + Bị cáo Hoàng Văn T1 số tiền 1.100.000đ
- + Bị cáo Hoàng Văn H7 số tiền 400.000đ
- + Bị cáo Nguyễn Đình T3 số tiền 500.000đ
- + Bị cáo Tạ Duy L5 số tiền 270.000đ
- + Bị cáo Nguyễn Văn P số tiền 100.000đ.

- Tịch thu, truy thu của bị cáo Hoàng Văn Đ số tiền 2.300.000đ để nộp ngân sách nhà nước (trong đó có 300.000đ là tiền sử dụng đánh bạc của Đ và 2.000.000đ là tiền sử dụng đánh bạc của K mà K đã đưa lại cho Đ).

- Tịch thu, truy thu của bị cáo Nguyễn Văn K số tiền 400.000 đồng.

[IV]. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình T, Hoàng Văn T1, Nguyễn Đình T3, Hoàng Văn T6, Hoàng Văn H3, Nguyễn Tuấn L2, Hoàng Văn T9, Tạ Duy L5, Hoàng Ngọc L6, Hoàng Văn C4, Hoàng Văn H7 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn P.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo (có mặt) được quyền kháng cáo. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an H.Cẩm Khê;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- THA- HS;
- Các bị cáo; người có QLNVLQ;
- UBND xã Hùng Việt, huyện Cẩm Khê;
- Lưu HS, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Huyền